

Bản án số: 902/2022/HS-PT

Ngày: 13 - 12 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Công Mươi

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Văn

Ông Phạm Văn Công

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Đinh Thế Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Ông Vũ Thanh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 580/2022/TLPT- HS ngày 19 tháng 8 năm 2022 đối với Phạm Thị T, Tiền Bảo C do có kháng cáo của các nguyên đơn dân sự đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 33/2022/HSST ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Các nguyên đơn dân sự có kháng cáo:

01. Bà Trần Thị Thu A, sinh năm 1954; Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn TT, huyện TT, tỉnh Cà Mau; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà A (văn bản ủy quyền ngày 26/4/2021): Bà Trần Thị TA; Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn TT, huyện TT, tỉnh Cà Mau; có mặt.

02. Bà Huỳnh Thị Đ, sinh năm 1960; có mặt.

03. Bà Nguyễn Mộng B, sinh năm 1970; có mặt.

04. Bà Ong Ngọc C1, sinh năm 1982; vắng mặt.

05. Bà Lê Kim E, sinh năm 1966; có mặt.

06. Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1964; có mặt.

07. Bà Huỳnh Tuyết A1, sinh năm 1977; vắng mặt.

08. Bà Ong Ngọc H, sinh năm 1981; vắng mặt.

09. Bà Trần Thị TA, sinh năm 1952; có mặt.

10. Bà Lâm Thu K, sinh năm 1952; có mặt.

11. Bà Trịnh Thảo L, sinh năm 1983; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L: Bà Dư Thu M, sinh năm 1955; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Khóm 1, thị trấn TT, huyện TT, tỉnh Cà Mau.

12. Bà Trần Ngân N, sinh năm 1987; địa chỉ: Khóm 7, thị trấn TT, huyện TT, tỉnh Cà Mau; có mặt.

13. Bà Huỳnh Kiều O, sinh năm 1976; có mặt.

14. Bà Lê Minh Q, sinh năm 1959; có mặt.

Cùng địa chỉ: Khóm 9, thị trấn TT, huyện TT, tỉnh Cà Mau.

- Các bị đơn dân sự:

1. Phạm Thị T, sinh năm 1958; có mặt.

2. Tiền Bảo C (tên gọi khác là Bé), sinh năm 1990; có mặt.

Cùng địa chỉ: Khóm 1, thị trấn TT, huyện TT, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Tiền Thành S (chồng của Phạm Thị T), sinh năm 1955; vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Thúy U (vợ của Tiền Bảo C), sinh năm 1998; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Khóm 1, thị trấn TT, huyện TT, tỉnh Cà Mau.

3. Anh Hứa Minh V, sinh năm 1998; vắng mặt.

Địa chỉ: Khóm 9, thị trấn TT, huyện TT, tỉnh Cà Mau.

- Người kháng cáo: Kháng cáo của ông (bà): Trần Thị Thu A, Huỳnh Thị Đ, Nguyễn Mộng B, Ong Ngọc C1, Lê Kim E, Nguyễn Thị G, Huỳnh Tuyết A1, Ong Ngọc H, Trần Thị TA, Lâm Thu K, Dư Thu M, Trần Ngân N, Huỳnh Kiều O, Lê Minh Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án tóm tắt như sau:

Năm 2014, Phạm Thị T bắt đầu làm chủ hội, mở các dây hội cho hội viên tham gia. Đến năm 2017 bị thâm hụt tiền do phải trả nợ, đóng lãi, đóng hội chết nên Phạm Thị T nói với con trai tên Tiền Bảo C tiếp tục mở hội để đưa tên hội không vào dây hội để hút hội của hội viên và bán hội không nhằm chiếm đoạt tiền thì C đồng ý. Do T không biết chữ nên việc ghi chép, tính toán đều do C thực hiện.

Từ năm 2017 – 2019 **T** và **C** mở 20 dây hụi tháng (1 tháng khai 1 lần) gồm: Hụi 6.000.000đ (có 01 dây), hụi 5.000.000đ (có 09 dây), hụi 3.000.000đ (có 08 dây), hụi 2.000.000đ (có 02 dây). Trong đó **T** đứng tên 15 dây còn **C** đứng tên 5 dây. **T** và **C** tổ chức khai hụi tại nhà ở Khóm 1, Thị Trấn TT để cho các hụi viên bỏ thăm. Hoa hồng mà **T** và **C** được hưởng là 50% /mỗi kỳ khai hụi.

Trong quá trình làm chủ hụi từ tháng 3 năm 2017 đến tháng 10 năm 2019 **T** và **C** đã hốt hụi của hụi viên từ dây số 01 đến dây số 18 và bán không 01 chân hụi chiếm đoạt tổng số tiền là 6.378.480.000đ (trong đó: **T** và **C** cùng chiếm đoạt là 6.276.080.000đ. **C** còn chiếm đoạt thêm là 102.400.000đ). Còn lại 02 dây hụi số 19, 20, **T** và **C** không có chiếm đoạt.

Cáo trạng số 53/CT-VKS-P1 ngày 24 tháng 11 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau đã truy tố Phạm Thị **T** và Tiền Bảo **C** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2021/HS-ST ngày 27/4/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau đã xử phạt Phạm Thị **T** 15 năm tù, xử phạt bị cáo Tiền Bảo **C** 09 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Buộc các bị cáo cùng chịu trách nhiệm liên đới thanh toán tổng số tiền 14.686.306.000 đồng cho các bị hại.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Tiền Bảo **C** và các bị hại Nguyễn Thị O1, Trần Thị Thu A, Huỳnh Thị Đ, Nguyễn Mộng B, Ong Ngọc C1, Lê Kim E, Nguyễn Thị G, Huỳnh Tuyết A1, Ong Ngọc H, Trần Thị TA, Lâm Thu K, Trịnh Thị B3, Trịnh Thảo L, Lương Ngọc Đ4, Nguyễn Huyền E4, Huỳnh Kiều O, Châu Diệu N4, Lê Minh Q kháng cáo.

Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 508/2021/HS – PT ngày 14/12/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử giữ nguyên quyết định về tội danh và hình phạt của bản án hình sự sơ thẩm số 23/2021/HS-ST ngày 27/4/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau, xử phạt Phạm Thị **T** 15 năm tù, xử phạt bị cáo Tiền Bảo **C** 09 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Hủy phần quyết định về trách nhiệm dân sự của Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2021/HS-ST ngày 27/4/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau, chuyển hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau để xét xử sơ thẩm lại phần này theo quy định pháp luật.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 33/2022/HSST ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau, quyết định:

Căn cứ Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự

Áp dụng các Điều 584, 585, 587 của Bộ luật Dân sự; Điều 23, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

[1] Buộc Phạm Thị T, Tiền Bảo C cùng chịu trách nhiệm liên đới thanh toán tổng số tiền 10.652.696.000đ cho 78 nguyên đơn dân sự (người bị hại trong vụ án hình sự), trong đó Phạm Thị T chịu trách nhiệm bồi thường 62,5%, Tiền Bảo C chịu trách nhiệm bồi thường 37,5%, cụ thể như sau:

1. Nguyễn Thị Đ1, số tiền 5.800.000đ.
2. Võ Hồng B1, 17.990.000đ.
3. Võ Hồng E1, số tiền 5.300.000đ.
4. Thái Thị Mỹ G1, số tiền 38.980.000đ.
5. Nguyễn Văn H1, số tiền 25.840.000đ.
6. Lê Minh K1, số tiền 16.830.000đ.
7. Hồng Minh L1, số tiền 78.410.000đ.
8. Trần Thị Mỹ P, số tiền 117.340.000đ.
9. Nguyễn Văn M1, số tiền 285.160.000đ.
10. Nguyễn Thị N1, số tiền 257.150.000đ.
11. Nguyễn Thị O1, số tiền 35.700.000đ.
12. Phan Thị P1, số tiền 128.100.000đ.
13. Nguyễn Thị A2, số tiền 40.490.000đ.
14. Dương Văn Q1, số tiền 34.000.000đ.
15. Trần Văn R1, số tiền 76.690.000đ.
16. Hồ Ngọc S1, số tiền 143.880.000đ.
17. Nguyễn Văn U1, số tiền 183.450.000đ.
18. Nguyễn Tuyết V1, số tiền 122.300.000đ.
19. Phạm Văn B2, số tiền 41.000.000đ.
20. Mai Hoài E2, số tiền 30.170.000đ.
21. Huỳnh Thị G2, số tiền 122.300.000đ.
22. Nguyễn Thị H2, số tiền 82.550.000đ.
23. Nguyễn Hằng Ni, số tiền 116.140.000đ.
24. Trần Thị Thu A, số tiền 297.700.000đ.
25. Huỳnh Thị Đ, số tiền 291.670.000đ.
26. Nguyễn Mộng B, số tiền 288.880.000đ.

27. Ông Ngọc C1, số tiền 409.520.000đ.
28. Trần Thị K2, số tiền 121.280.000đ.
29. Nguyễn Thị Bích C2, số tiền 105.120.000đ.
30. Quách Ngọc L2, số tiền 179.850.000đ.
31. Đào Thị M2, số tiền 54.570.000đ.
32. Lê Kim E, số tiền 98.710.000đ.
33. Nguyễn Thị G, số tiền 194.745.000đ.
34. Nguyễn Hồng N2, số tiền 154.970.000đ.
35. Nguyễn Thị O2, số tiền 70.000.000đ.
36. Trương Thị P2, số tiền 93.140.000đ.
37. Trần Thanh Q2, số tiền 34.000.000đ.
38. Hồ Trung R2, số tiền 139.920.000đ.
39. Phạm Văn S2, số tiền 61.830.000đ.
40. Nguyễn Thị Kim U2, số tiền 53.200.000đ.
41. Huỳnh Tuyết A1, số tiền 125.940.000đ.
42. Trần Văn R1, số tiền 76.690.000đ.
43. Ông Ngọc H, số tiền 586.890.000đ.
44. Dương Thị V2, số tiền 30.570.000đ.
45. Phan Duy Đ3, số tiền 347.660.000đ.
46. Trần Thị TA, số tiền 180.440.000đ.
47. Lâm Thu K, số tiền 659.270.000đ .
48. Trịnh Thị B3, số tiền 200.680.000đ.
49. Trương Thị E3, số tiền 25.906.000đ.
50. Trịnh Thảo L, số tiền 136.540.000đ.
51. Nguyễn Kim G3, số tiền 9.820.000đ.
52. Nguyễn Văn H4, số tiền 23.940.000đ.
53. Phạm Mộng K3, số tiền 125.400.000đ.
54. Nguyễn Thị L3, số tiền 32.930.000đ.
55. Ông Mộc M3, số tiền 61.830.000đ.
56. Phạm Thị H3, số tiền 7.000.000đ.
57. Trương Ngọc N3, số tiền 130.340.000đ.

58. Phạm Văn O3, số tiền 161.750.000đ.
59. Phạm Chí P3, số tiền 143.450.000đ.
60. Nguyễn Duy Q3, số tiền 161.000.000đ.
61. Dương Hồng R4, số tiền 111.650.000đ.
62. Lương Ngọc Đ4, số tiền 319.760.000đ.
63. Trần Ngân N, số tiền 73.000.000đ.
64. Mai Huyền B5, số tiền 308.520.000đ.
65. Nguyễn Huyền E4, số tiền 148.290.000đ.
66. Phạm Huỳnh G4, số tiền 90.310.000đ.
67. Huỳnh Thị Mỹ R3, số tiền 146.000.000đ.
68. Trịnh Thảo B4, số tiền 261.890.000đ.
69. Lý Minh K4, số tiền 31.770.000đ.
70. Lê Tấn L4, số tiền 22.200.000đ.
71. Nguyễn Tuyết M4, số tiền 219.000.000đ.
72. Lê Thúy R, số tiền 42.604.000đ.
73. Huỳnh Kiều O, số tiền 456.700.000đ.
74. Châu Diệu N4, số tiền 274.230.000đ.
75. Phạm Văn O4, số tiền 30.170.000đ.
76. Lê Minh Q, số tiền 109.941.000đ.
77. Nguyễn Trúc Đ2, số tiền 95.640.000đ.
78. Trần Ngọc N3, số tiền 28.300.000đ.

- Ngoài ra, buộc Tiền Bảo C bồi thường cho Trịnh Thảo L số tiền 102.400.000đ.

Bản án sơ thẩm còn quyết định về việc thi hành án, các biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo theo luật định

Sau khi xét xử sơ thẩm, các nguyên đơn dân sự gồm có các ông (bà): Trần Thị Thu A, Huỳnh Thị Đ, Nguyễn Mộng B, Ong Ngọc C1, Lê Kim E, Nguyễn Thị G, Huỳnh Tuyết A1, Ong Ngọc H, Trần Thị TA, Lâm Thu K, Dư Thu M, Trần Ngân N, Huỳnh Kiều O, Lê Minh Q có đơn kháng cáo đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng buộc Phạm Thị T, Tiền Bảo C cùng chịu trách nhiệm liên đới bồi thường và trả tiền lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm như sau:

Phần trách nhiệm dân sự Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng, đủ số tiền phải bồi thường cho những nguyên đơn dân sự và tuyên các bị cáo phải có nghĩa vụ liên đới theo phần là đúng theo quy định tại Điều 587 Bộ luật dân sự và phù hợp với tính chất, mức độ và vai trò của mỗi bị cáo trong vụ án.

Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của những nguyên đơn dân sự, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Đối với yêu cầu kháng cáo về việc buộc 02 bị cáo phải trả lãi trên số tiền chiếm đoạt của một số nguyên đơn dân sự (là người bị hại trong vụ án hình sự) thấy rằng:

Đây là số tiền mà 02 bị cáo Phạm Thị **T** và Tiền Bảo **C** thực hiện hành vi lừa đảo để chiếm đoạt của những người bị hại. Theo quy định tại khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự thì các bị cáo phải có nghĩa vụ hoàn trả cho người bị hại. Theo đó, điều luật này chỉ quy định việc phải trả lại tài sản đã chiếm đoạt, mà không quy định người phạm tội phải trả thêm khoản tiền lãi suất.

Chính vì vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu tính lãi suất trên số tiền chiếm đoạt của các nguyên đơn dân sự trong vụ án hình sự (những người bị hại) là đúng pháp luật. Yêu cầu kháng cáo của các nguyên đơn dân sự theo đó là không có cơ sở để chấp nhận.

[2] Đối với yêu cầu kháng cáo của một số nguyên đơn dân sự về việc không đồng ý với nội dung quyết định của bản án sơ thẩm về tuyên các bị cáo Phạm Thị **T** và Tiền Bảo **C** trách nhiệm liên đới bồi thường theo phần. Xét thấy:

Trong vụ án này, tổng số tiền **T**, **C** đã chiếm đoạt của các bị hại phải liên đới bồi thường là 10.652.696.000 đồng.

Theo quy định tại Điều 587 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “Trách nhiệm bồi thường của từng người cùng gây thiệt hại được xác định tương ứng với mức độ lỗi của mỗi người...”.

Ở trường hợp này, mức độ lỗi của **T**, **C** được tính theo tỷ lệ mức án mà **T**, **C** phải chịu (bị cáo **T** 15 năm tù; bị cáo **C** 09 năm tù).

Theo đó, tỷ lệ lỗi của **T** được xác định là:

$$15 : (15 + 9) \times 100 = 62,5\%$$

Tỷ lệ lỗi của **C** được xác định là:

$$9 : (15 + 9) \times 100 = 37,5\%$$

Như vậy, **T** phải bồi thường 62,5% tương ứng với tỷ lệ tổng số tiền chiếm đoạt, **C** phải bồi thường 37,5% trên tổng số tiền **T**, **C** chiếm đoạt và phải liên đới bồi thường cho nguyên đơn dân sự (bị hại trong vụ án hình sự).

Việc xác định này là đúng với quy định của Bộ luật dân sự và hướng dẫn tại Công văn số 212/TANDTC-PC ngày 13/9/2019 của Tòa án nhân dân tối cao.

Yêu cầu kháng cáo của các đương sự về nội dung này là không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các nguyên đơn dân sự gồm: Trần Thị Thu A, Huỳnh Thị Đ, Nguyễn Mộng B, Ong Ngọc C1, Lê Kim E, Nguyễn Thị G, Huỳnh Tuyết A1, Ong Ngọc H, Trần Thị TA, Lâm Thu K, Dư Thu M, Trần Ngân N, Huỳnh Kiều O, Lê Minh Q.

Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm số 33/2022/HS-ST ngày 30/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

Áp dụng các Điều 584, 585, 587 của Bộ luật Dân sự; Điều 23, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

[1] Buộc Phạm Thị **T**, Tiền Bảo **C** cùng chịu trách nhiệm liên đới thanh toán tổng số tiền 10.652.696.000đ cho 78 nguyên đơn dân sự (người bị hại trong vụ án hình sự), trong đó Phạm Thị **T** chịu trách nhiệm bồi thường 62,5%, Tiền Bảo **C** chịu trách nhiệm bồi thường 37,5%, cụ thể như sau:

1. Nguyễn Thị Đ1, số tiền 5.800.000đ.
2. Võ Hồng B1, 17.990.000đ.
3. Võ Hồng E1, số tiền 5.300.000đ.
4. Thái Thị Mỹ G1, số tiền 38.980.000đ.
5. Nguyễn Văn H1, số tiền 25.840.000đ.
6. Lê Minh K1, số tiền 16.830.000đ.

7. Hồng Minh L1, số tiền 78.410.000đ.
8. Trần Thị Mỹ P, số tiền 117.340.000đ.
9. Nguyễn Văn M1, số tiền 285.160.000đ.
10. Nguyễn Thị N1, số tiền 257.150.000đ.
11. Nguyễn Thị O1, số tiền 35.700.000đ.
12. Phan Thị P1, số tiền 128.100.000đ.
13. Nguyễn Thị A2, số tiền 40.490.000đ.
14. Dương Văn Q1, số tiền 34.000.000đ.
15. Trần Văn R1, số tiền 76.690.000đ.
16. Hồ Ngọc S1, số tiền 143.880.000đ.
17. Nguyễn Văn U1, số tiền 183.450.000đ.
18. Nguyễn Tuyết V1, số tiền 122.300.000đ.
19. Phạm Văn B2, số tiền 41.000.000đ.
20. Mai Hoài E2, số tiền 30.170.000đ.
21. Huỳnh Thị G2, số tiền 122.300.000đ.
22. Nguyễn Thị H2, số tiền 82.550.000đ.
23. Nguyễn Hằng Ni, số tiền 116.140.000đ.
24. Trần Thị Thu A, số tiền 297.700.000đ.
25. Huỳnh Thị Đ, số tiền 291.670.000đ.
26. Nguyễn Mộng B, số tiền 288.880.000đ.
27. Ông Ngọc C1, số tiền 409.520.000đ.
28. Trần Thị K2, số tiền 121.280.000đ.
29. Nguyễn Thị Bích C2, số tiền 105.120.000đ.
30. Quách Ngọc L2, số tiền 179.850.000đ.
31. Đào Thị M2, số tiền 54.570.000đ.
32. Lê Kim E, số tiền 98.710.000đ.
33. Nguyễn Thị G, số tiền 194.745.000đ.
34. Nguyễn Hồng N2, số tiền 154.970.000đ.
35. Nguyễn Thị O2, số tiền 70.000.000đ.
36. Trương Thị P2, số tiền 93.140.000đ.
37. Trần Thanh Q2, số tiền 34.000.000đ.

38. Hồ Trung R2, số tiền 139.920.000đ.
39. Phạm Văn S2, số tiền 61.830.000đ.
40. Nguyễn Thị Kim U2, số tiền 53.200.000đ.
41. Huỳnh Tuyết A1, số tiền 125.940.000đ.
42. Trần Văn R1, số tiền 76.690.000đ.
43. Ong Ngọc H, số tiền 586.890.000đ.
44. Dương Thị V2, số tiền 30.570.000đ.
45. Phan Duy Đ3, số tiền 347.660.000đ.
46. Trần Thị TA, số tiền 180.440.000đ.
47. Lâm Thu K, số tiền 659.270.000đ .
48. Trịnh Thị B3, số tiền 200.680.000đ.
49. Trương Thị E3, số tiền 25.906.000đ.
50. Trịnh Thảo L, số tiền 136.540.000đ.
51. Nguyễn Kim G3, số tiền 9.820.000đ.
52. Nguyễn Văn H4, số tiền 23.940.000đ.
53. Phạm Mộng K3, số tiền 125.400.000đ.
54. Nguyễn Thị L3, số tiền 32.930.000đ.
55. Ong Mộc M3, số tiền 61.830.000đ.
56. Phạm Thị H3, số tiền 7.000.000đ.
57. Trương Ngọc N3, số tiền 130.340.000đ.
58. Phạm Văn O3, số tiền 161.750.000đ.
59. Phạm Chí P3, số tiền 143.450.000đ.
60. Nguyễn Duy Q3, số tiền 161.000.000đ.
61. Dương Hồng R4, số tiền 111.650.000đ.
62. Lương Ngọc Đ4, số tiền 319.760.000đ.
63. Trần Ngân N, số tiền 73.000.000đ.
64. Mai Huyền B5, số tiền 308.520.000đ.
65. Nguyễn Huyền E4, số tiền 148.290.000đ.
66. Phạm Huỳnh G4, số tiền 90.310.000đ.
67. Huỳnh Thị Mỹ R3, số tiền 146.000.000đ.
68. Trịnh Thảo B4, số tiền 261.890.000đ.

69. Lý Minh K4, số tiền 31.770.000đ.
70. Lê Tấn L4, số tiền 22.200.000đ.
71. Nguyễn Tuyết M4, số tiền 219.000.000đ.
72. Lê Thúy R, số tiền 42.604.000đ.
73. Huỳnh Kiều O, số tiền 456.700.000đ.
74. Châu Diệu N4, số tiền 274.230.000đ.
75. Phạm Văn O4, số tiền 30.170.000đ.
76. Lê Minh Q, số tiền 109.941.000đ.
77. Nguyễn Trúc Đ2, số tiền 95.640.000đ.
78. Trần Ngọc N3, số tiền 28.300.000đ.

[2] Buộc Tiền Bảo C bồi thường cho Trịnh Thảo L số tiền 102.400.000đ.

[3] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[5] Án phí phúc thẩm: Các ông (bà) Trần Thị Thu A, Huỳnh Thị Đ, Nguyễn Mộng B, Ong Ngọc C1, Lê Kim E, Nguyễn Thị G, Huỳnh Tuyết A1, Ong Ngọc H, Trần Thị TA, Lâm Thu K, Dư Thu M, Trần Ngân N, Huỳnh Kiều O, Lê Minh Q mỗi người phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ theo các biên lai thu số: 0000129 ngày 13/7/2022, 0000140 ngày 20/7/2022, 0000121 ngày 13/7/2022, 0000123 ngày 13/7/2022, 0000126 ngày 13/7/2022, 0000120 ngày 13/7/2022, 0000127 ngày 13/7/2022, 0000124 ngày 13/7/2022, 0000130 ngày 13/7/2022, 0000122 ngày 13/7/2022, 0000131 ngày 13/7/2022, 0000137 ngày 15/7/2022, 0000128 ngày 13/7/2022, 0000125 ngày 13/7/2022; các nguyên đơn dân sự đã nộp đủ tiền.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- Công an tỉnh Cà Mau;
- Sở Tư pháp tỉnh Cà Mau;
- Cục THADS tỉnh Cà Mau;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

- Trại tạm giam tỉnh Cà Mau;
- Trại tạm giam tỉnh Cà Mau;
(Đề tống đạt Bản án cho bị đơn)
- Trại giam Cái Tàu – Cà Mau ;
(Đề tống đạt Bản án cho bị đơn)
- Nguyên đơn;
- NCQL&NVLQ;
- Lưu: HS, VP, 40bTNB.

Phạm Công Mười